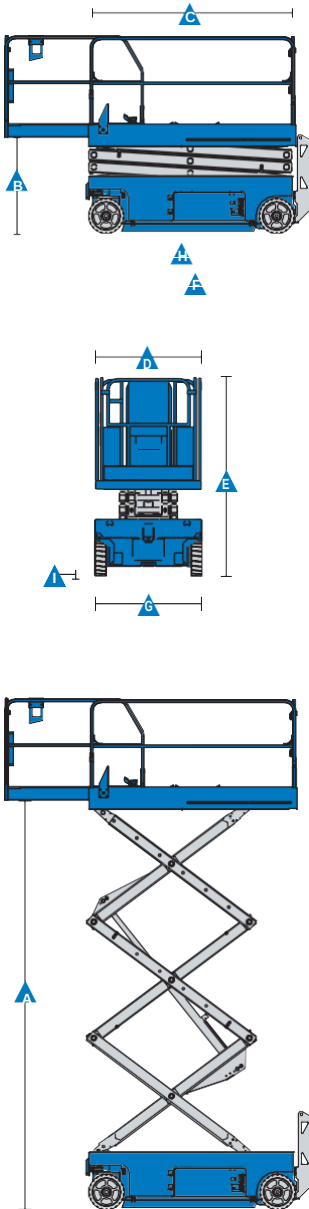


Xe nâng người tự hành dạng cắt kéo

GS™ -2046, GS-2646 & GS-3246

Thông số kỹ thuật



Models	GS-2046		GS-2646		GS-3246	
Thang đo	Mỹ	Thế giới	Mỹ	Thế giới	Mỹ	Thế giới
Chiều cao làm việc tối đa*	26 ft	8.10 m	32 ft	9.92 m	38 ft	11.75 m
A Chiều cao tới sàn tối đa	20 ft	6.10 m	26 ft	7.92 m	32 ft	9.75 m
B Chiều cao tới sàn xếp gọn	3 ft 5 in	1.04 m	3 ft 10 in	1.16 m	4 ft 3 in	1.29 m
C Chiều dài sàn - phía ngoài	7 ft 5 in	2.26 m	7 ft 5 in	2.26 m	7 ft 5 in	2.26 m
- mở rộng	10 ft 5 in	3.18 m	10 ft 5 in	3.18 m	10 ft 5 in	3.18 m
Phần mở rộng sàn	3 ft	0.91 m	3 ft	0.91 m	3 ft	0.91 m
D Chiều rộng sàn - bên ngoài	3 ft 9.5 in	1.16 m	3 ft 9.5 in	1.16 m	3 ft 9.5 in	1.16 m
Chiều cao của lan can	3 ft 7 in	1.09 m	3 ft 7 in	1.09 m	3 ft 7 in	1.09 m
Chiều cao của chân ga	6 in	0.15 m	6 in	0.15 m	6 in	0.15 m
E Chiều cao - lan can cố định	7 ft	2.13 m	7 ft 5 in	2.26 m	7 ft 10 in	2.39 m
xếp gọn: - lan can gấp	5 ft 1 in	1.55 m	5 ft 6 in	1.68 m	5 ft 11 in	1.80 m
A Chiều dài: - xếp gọn	8 ft	2.44 m	8 ft	2.44 m	8 ft	2.44 m
- khi vươn	10 ft 11 in	3.33 m	10 ft 11 in	3.33 m	10 ft 11 in	3.33 m
A Chiều rộng	3 ft 10 in	1.16 m	3 ft 10 in	1.16 m	3 ft 10 in	1.16 m
H Khoảng cách giữa trục bánh xe	6 ft 1 in	1.85 m	6 ft 1 in	1.85 m	6 ft 1 in	1.85 m
A Khoảng cách gầm xe: - tâm	3.75 in	10 cm	3.75 in	10 cm	3.75 in	10 cm
- Với phần bảo vệ được triển khai	0.75 in	2 cm	0.75 in	2 cm	0.75 in	2 cm

Hiệu suất

Số người làm việc trên sàn tối đa** 4			3		2	
Khả năng tải	1,200lbs	544 kg	1,000lbs	454 kg	700 lbs	318 kg
Khả năng tải – khi mở rộng sàn	250 lbs	113 kg	250 lbs	113 kg	250 lbs	113 kg
Khả năng lái khi nâng sàn	tối đa		tối đa		tối đa	
Tốc độ lái – khi xếp gọn	2.0mph	3.2 km/h	2.0mph	3.2 km/h	2.0mph	3.0 km/h
Tốc độ lái – khi nâng	0.5mph	0.8 km/h	0.5mph	0.8 km/h	0.5mph	0.8 km/h
Khả năng leo dốc khi xếp gọn***	30%		30%		25%	
Bán kính quay – bên trong	zero		zero		zero	
Bán kính quay – bên ngoài	7 ft 6 in	2.29 m	7 ft 6 in	2.29 m	7 ft 6 in	2.29 m
Tốc độ nâng/hạ sàn	28 / 28 giây		28 / 28 giây		57 / 28 giây	
Điều khiển	Tương thích		Tương thích		Tương thích	
Bánh lái	Hai bánh trước		Hai bánh trước		Hai bánh trước	
Phanh đĩa	Hai bánh sau		Hai bánh sau		Hai bánh sau	
Lốp cứng không để lại vết	15 x5 in	38 x13 cm	15 x5 in	38 x13 cm	15 x5 in	38 x13 cm

Năng lượng

Nguồn nhiên liệu	24VDC (bồn ác quy 6 V 225 Ah)		24V (bồn ác quy 6 V 225 Ah)		24V (bồn ác quy 6 V 225 Ah)	
Thể tích bình dầu thủy lực	4.5 gal	17 L	4.5 gal	17 L	4.5 gal	17 L

Trọng lượng máy****

ANSI/CSA	3,977 lbs	1,804 kg	4,312 lbs	1,956 kg	5,211 lbs	2,364 kg
----------	-----------	----------	-----------	----------	-----------	----------

Tiêu chuẩn

ANSI A92.6, CSA B354.2, thích hợp CE, AS 1418.10

* Chiều cao làm việc được tính bằng cách đối với hệ m cộng thêm 2m vào chiều cao tới sàn, với hệ feet US là cộng thêm 6ft
 ** Khả năng leo dốc được áp dụng khi di chuyển ở trên dốc. Xem thêm phần hướng dẫn vận hành để biết thêm về tỉ lệ độ dốc
 *** Trọng lượng này tùy thuộc vào các lựa chọn và/hoặc các tiêu chuẩn quốc gia

Genie United States

6464 185th Ave. NE
 Redmond, WA 98052
 Telephone +1 (425) 881-1800
 Toll Free in USA/Canada +1 (800)-536-1800
 Fax +1 (425) 883-3475
www.genielift.com

Được phân phối bởi: TUYET NGA CO., LTD



www.vietnamrental.com.vn